

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/DS-ST
Ngày 26/9/2024.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và cầm cố tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 173/2024/TLST-DS ngày 01/7/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2024/QĐXXST-DS ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1/ Bà Thạch Thị H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2/ Ông Diệp Hoàng V, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Diệp Thị Tú T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn S trình bày: Vào ngày 06/12/2021 al (nhằm ngày 08/01/2022 dl) ông Võ Văn S có cho bà Thạch Thị H vay 20.000.000 đồng, có làm giấy ghi là giấy mượn tiền do bà Thạch Thị H ký, trong giấy mượn tiền không có ghi mức lãi suất nhưng thỏa thuận miệng lãi suất

7%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 1.400.000 đồng. Sau đó, bà Thạch Thị H đóng lãi từ ngày 06/12/2021 al (08/01/2022 dl) đến ngày 06/8/2022 al (01/9/2022 dl) được 08 tháng, mỗi tháng 1.400.000 đồng, tổng cộng là 11.200.000 đồng. Đến ngày 06/01/2024 al thì bà H tiếp tục đóng thêm cho ông S 01 tháng lãi 1.400.000 đồng. Tiền vốn 20.000.000 đồng thì đến nay chưa trả.

Đến ngày 07/7/2023 al, ông Diệp Hoàng V là chồng của bà Thạch Thị H cầm cố cho ông S chiếc xe biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 do con của ông Diệp Hoàng V là Diệp Thị Tú T đứng tên. Ông V cầm cố xe với số tiền 40.000.000 đồng, có làm giấy cầm xe, không có ghi mức lãi suất thỏa thuận, nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng. Đến ngày 01/12/2023 al (11/01/2024 dl) Ông V đóng được 03 tháng lãi tổng cộng 6.000.000 đồng. Đến ngày 06/01/2024 al bà H có đóng thêm một tháng lãi 2.000.000 đồng, tổng cộng đóng là 04 tháng lãi bằng 8.000.000 đồng. Số tiền vốn 40.000.000 đồng chưa trả. Chiếc xe và bản chính giấy tờ xe thì ông S còn đang giữ.

Tại phiên tòa, ông S yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Thạch Thị H Và ông Diệp Hoàng V trả tiền vốn vay 20.000.000 đồng và tiền vốn cầm xe là 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng. Ông S không yêu cầu tiếp tục tính lãi. Ông S đồng ý trả lại cho bà Diệp Thị Tú T chiếc xe biển số 83P4-130.45 Nhãn Hiệu: HONDA, số loại SH MODE, Màu Sơn: bạc - đen, số máy: JF87E5105772, số khung: RLHJF5162KZ151035 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000734 ngày 12/01/2023 do bà Diệp Thị Tú T đứng tên.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 15/8/2024, bị đơn bà Thạch Thị H trình bày:* Vào ngày 06/11/2022 al bà H có vay tiền của ông Võ Văn S 20.000.000 đồng, có làm giấy ghi là giấy mượn tiền do bà H và ông S ký tên. Trong giấy không có ghi mức lãi suất nhưng thỏa thuận miệng là 20.000.000 đồng tiền vốn thì đóng lãi mỗi tháng là 1.400.000 đồng (tức là lãi 7%/tháng). Sau khi vay, từ ngày 06/01/2022 al đến ngày 06/8/2022 al bà H đóng lãi đều mỗi tháng 1.400.000 đồng, đóng 08 tháng là 11.200.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 06/01/2024 bà H đóng thêm cho ông S 01 tháng lãi 1.400.000 đồng.

Vào ngày 07/7/2023 al bà H và ông Diệp Hoàng V có đến nhà ông Võ Văn S để cầm chiếc xe biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 do con của bà H và Ông V là Diệp Thị Tú T đứng tên sở hữu. Chiếc xe cầm cho ông S với giá là 40.000.000 đồng. Khi cầm xe có làm giấy cầm xe do ông S viết là cầm xe SH của Diệp Thị Tú T ngày 07/7/2023al với số tiền 40.000.000 đồng, không có ghi mức lãi suất, nhưng bà H, Ông V và ông S thỏa thuận miệng với nhau là mức lãi 5%/tháng, mỗi tháng bà H và Ông V đóng lãi cho ông S 2.000.000 đồng. Không có thỏa thuận thời gian chuộc xe. Sau khi cầm xe thì bà H, Ông V không có khả năng đóng lãi nên đến ngày 30/11/2023 al thì đóng lãi cho ông S 6.000.000 đồng. Đến ngày 06/01/2024 al bà H đóng thêm cho ông S 01 tháng lãi 2.000.000 đồng.

Nay bà H đồng ý trả cho ông S số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền cầm xe 40.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng. Nhưng yêu cầu trả dần mỗi

tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và yêu cầu ông S trả lại chiếc xe đã cầm cho con của bà là Diệp Thị Tú T.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2024, bị đơn ông Diệp Hoàng V trình bày:* Vào ngày 06/11/2022 al Ông V và bà H có vay tiền của ông Võ Văn S 20.000.000 đồng. Có làm giấy mượn tiền, đóng lãi mỗi tháng là 1.400.000 đồng (tức là lãi 7%/tháng). Sau khi vay thì từ ngày 06/01/2022 al đến ngày 06/8/2022 al bà H đóng lãi đều mỗi tháng 1.400.000 đồng, đóng 08 tháng là 11.200.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 06/01/2024 bà H đóng thêm cho ông S 01 tháng lãi 1.400.000 đồng.

Vào ngày 07/7/2023 al Ông V và bà H có đến nhà ông Võ Văn S để cầm chiếc xe biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 do con Ông V là Diệp Thị Tú T đứng tên sở hữu, giá cầm xe là 40.000.000 đồng. Có làm giấy cầm xe với số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận miệng với nhau là mức lãi 5%/tháng, mỗi tháng Ông V và bà H đóng lãi cho ông S 2.000.000 đồng. Sau khi cầm xe thì đến ngày 30/11/2023 al bà H đóng lãi cho ông S 6.000.000 đồng. Đến ngày 06/01/2024 al bà H đóng thêm cho ông S 01 tháng lãi 2.000.000 đồng.

Nay Ông V đồng ý trả cho ông S tiền vay 20.000.000 đồng và tiền cầm xe 400.000.000 đồng. Nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và yêu cầu ông S trả lại chiếc xe đã cầm cho con ông là Diệp Thị Tú T.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 15/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị Tú T trình bày:* Bà T thống nhất thừa nhận vào ngày 07/7/2023 al, cha của bà T là ông Diệp Hoàng V cầm xe cho ông Võ Văn S là chiếc xe biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 do bà Diệp Thị Tú T đứng tên sở hữu là đúng, bà T cũng biết và thống nhất cho ông Diệp Hoàng V cầm xe cho ông S.

Nay bà T cùng ý kiến với bà Thạch Thị H về việc bà H đồng ý trả cho ông S tiền vay 20.000.000 đồng và tiền cầm xe 400.000.000 đồng. Đồng ý việc bà H yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và bà T yêu cầu ông S trả lại cho bà chiếc xe biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000734 ngày 12/01/2023 do bà Diệp Thị Tú T đứng tên.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Thạch Thị H, ông Diệp Hoàng V, bà Diệp Thị Tú T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà H, Ông V, bà T vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92,

Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn S về việc yêu cầu bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V thanh toán tổng số tiền 60.000.000 đồng;

2. Buộc bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Võ Văn S tổng số tiền 60.000.000 đồng;

3. Buộc ông Võ Văn S có nghĩa vụ giao trả cho bà Diệp Thị Tú T chiếc xe biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000734 ngày 12/01/2023 do bà Diệp Thị Tú T đứng tên.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Diệp Hoàng V, bà Thạch Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị Tú T đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng Ông V, bà H và bà T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Về nội dung vụ án:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn S, bị đơn bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V thống nhất thừa nhận vợ chồng Vũ, bà H có vay tiền của ông Võ Văn S vào 06/12/2021 al (nhằm ngày 08/01/2022 dl) số tiền vay là 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng. Ngày 07/07/2023 al (22/8/2023 dl) vợ chồng bà H, Ông V với sự đồng ý của bà Diệp Thị Tú T có cầm cho ông S chiếc xe mô tô biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 do bà Diệp Thị Tú T đứng tên sở hữu, giá cầm xe là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng.

Ông Diệp Hoàng V và bà Thạch Thị H đã đóng lãi của số tiền vốn vay 20.000.000 đồng từ ngày 06/12/2021 al (08/01/2022 dl) đến ngày 06/8/2022 al (01/9/2022 dl) đóng 08 tháng là 11.200.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 06/01/2024 al (ngày 15/02/2024 dl) bà H đóng thêm cho ông S 1.400.000 đồng. Đã đóng tiền lãi cầm xe 40.000.000 đồng vào ngày 30/11/2023 là 03 tháng lãi bằng 6.000.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 06/01/2024 al (ngày 15/02/2024 dl) bà H đóng thêm cho ông S 2.000.000 đồng.

Việc thống nhất thừa nhận của các đương sự nêu trên được xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Võ Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V trả cho ông số tiền nợ tổng cộng là 60.000.000 đồng (trong đó gồm tiền vốn cầm xe là 40.000.000 đồng và tiền vốn vay 20.000.000 đồng) yêu cầu thanh toán một lần. Không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng cầm cố tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Võ Văn S đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền vay và tiền cầm cố tài sản cho bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V theo thỏa thuận. Nhưng quá trình thực hiện hợp đồng, bà H và Ông V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vốn cho ông S theo thỏa thuận. Hiện nay, bà H và Ông V còn nợ của ông Võ Văn S tiền vốn vay 20.000.000 đồng và nợ tiền vốn cầm xe 40.000.000 đồng. Như vậy, bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440, 446 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Võ Văn S yêu cầu bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V thanh toán tiền vốn vay và tiền nợ cầm xe tổng cộng là 60.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với chiếc xe đang cầm cố: Xét thấy, chiếc xe do bà Diệp Thị Tú T đứng tên đăng ký sở hữu. Bà Thạch Thị H, ông Diệp Hoàng V và bà Diệp Thị Tú T đều thống nhất yêu cầu ông Võ Văn S giao trả chiếc xe và giấy đăng ký xe cho bà Diệp Thị Tú T. Ông S cũng đồng ý giao trả chiếc xe đã cầm cố cho bà T. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông Võ Văn S có nghĩa vụ giao trả cho bà Diệp Thị Tú T chiếc xe biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000734 ngày 12/01/2023 do bà Diệp Thị Tú T đứng tên.

[7] Đối với việc các bị đơn bà Thạch Thị H, ông Diệp Hoàng V yêu cầu xem xét do hoàn cảnh khó khăn, xin được trả dần số tiền nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ. Nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn S không đồng ý với cách thức trả nợ của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét về cách thức thanh toán như bị đơn đã đặt ra.

[8] Về án phí:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn ông Võ Văn S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005545 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3, 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn S về việc yêu cầu bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V thanh toán tổng số tiền 60.000.000 đồng.

[2] Buộc bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Võ Văn S tổng số tiền 60.000.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Võ Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V chậm trả số tiền nêu trên cho ông Võ Văn S, thì bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Buộc ông Võ Văn S có nghĩa vụ giao trả bà Diệp Thị Tú T chiếc xe biển số 83P4-130.45, nhãn hiệu Honda, số loại: SH MODE, màu sơn bạc – đen, số máy JF87E510772, số khung RLHJF5162KZ151035 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000734 ngày 12/01/2023 do bà Diệp Thị Tú T đứng tên.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà bà Thạch Thị H và ông Diệp Hoàng V phải liên đới chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M

- Nguyên đơn ông Võ Văn S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005545 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành

án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ái Mỹ